

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 26/02/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+BK6+RP3	7:25	20+0+2	0+0+0		19+0+3	0+0+0	chuyen 1 ppd-bk6
2		P4+BK10+P2	7:25	20+0+2	0+0+0		17+0+2	0+0+0	chuyen 1 bk10-p2
3		VSP01	7:25	22	0		22	0	
4		MRM+RP3	9:25	8+14	0+0		7+15	0+0	
5		P9+VSP01	9:25	9+13	0+0		0+15	0+0	
6		P8+PPD	9:25	7+15	0+0		5+2	0+0	
7		P6+BK19-P3	11:25	10+12	0+0		0+0	0+0	CHUYEN 1 P6-BK19
8		T.UNG	11:25	19	0		17	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: PPD - BK6 - RP3	CREW: VThắng - HTrung - Huy	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	57	1	6	21	89	KHI	Vietnamese
2	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	48	1	3		77	KHI	Vietnamese
3	VÕ QUANG ĐẠT	PPD	51	1	5		59	KHI	Vietnamese
4	ĐẶNG PHÚC THẮNG	PPD	80	1	3		86	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	47	1	5		60	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	PPD	78	1	3		75	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN QUANG	PPD	60	1	5		70	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH KHOAN	PPD	45	1	8		84	KHI	Vietnamese
9	CAO NAM QUY	PPD	58	1	5		70	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	46	1	3		60	KHI	Vietnamese
11	HÀ THỊ BẢO	PPD					73	KHI	Vietnamese
12	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	PPD	54	1	4		78	KHI	Vietnamese
13	LÊ HỒNG PHONG	PPD	52	1	5		78	KHI	Vietnamese
14	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	PPD	61	1	4		65	KHI	Vietnamese
15	NGHIÊM XUÂN MINH	PPD	53	1	3		65	KHI	Vietnamese
16	LÊ HUY VINH	PPD	49-50	2	11		64	KHI	Vietnamese
17	VŨ VĂN CHIẾN	PPD	59	1	4		72	KHI	Vietnamese
18	ĐÀO ANH TUẤN	PPD	77	1	4		67	KHI	Vietnamese
19	ĐẶNG TRỌNG ĐẠT	PPD	55	1	12		67	KHI	Vietnamese
20	HOÀNG CÔNG ĐỨC	PPD	56	1	9		60	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	RP3					85	KHI	Vietnamese
22	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	38	1	4		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	20	20	102	1.419	21	19	4	CHUYỂN 1 PAX PPD-BK6 NỘI BỘ: LÊ VĂN CÔNG
2	BK6	0	0	0	0	5	0		
3	RP3	2	1	4	155	0	3		
TOTAL		22	21	106	1.574	26	22		
WEIGHT KG				106	1.574	26			

GRAND TOTAL: 1.706 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	TO: P4 - BK10 - P2	CREW: CHIẾN - N.Cường - HIẾU	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	09	1	2		59	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN MINH ĐỨC	P4	06	1	4		95	KHI	Vietnamese
3	TRƯƠNG THANH GIÁP	P4	15	1	4		72	KHI	Vietnamese
4	HOANG TRỌNG TÂN	P4	13	1	6		70	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	05	1	5	70	69	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN BẠCH DƯƠNG	P4	11	1	5		72	KHI	Vietnamese
7	ZAGUDAEV	P4	04	1	3		80	KHI	Russian
8	NGUYỄN TIỀN THÀNH	P4	19	1	5		62	KHI	Vietnamese
9	TRINH XUÂN HUYỀN	P4	02-03	2	8		74	KHI	Vietnamese
10	LÊ HUY CHƯƠNG	P4	20	1	5		56	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH DŨNG	P4	21	1	4		95	KH-THAC	Vietnamese
12	MIRSAYAPOV RUSLAN	P4	10	1	7		108	KH-THAC	Russian
13	NGUYỄN TRỌNG HIẾN	P4	16	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ THANH CÔNG	P4	17	1	5		82	BIÊN ĐÓN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ANH	P4	12	1	4		67	KHI	Vietnamese
16	HOANG THAI DUONG	P4	18	1	3		70	KHI	Vietnamese
17	LÊ TRUNG LÂM	P4	01	1	3		70	KHI	Vietnamese
18	PHẠM HỮU THỌ	P4	22	1	6		67	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	14	1	5		68	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VIỆT THẮNG	P4	07-08	2	14		74	KHI	Vietnamese
21	LÊ VĂN LONG	P2	76-77	2	12		71	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI THỌ DŨNG	P2	75	1	5	15	62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	20	22	103	1.462	70	17		CHUYEN 01 PAX BK10 -P2
2	BK10	0	0	0	0	30	0	1	
3	P2	2	3	17	133	15	2		
TOTAL		22	25	120	1.595	115	19		
WEIGHT KG				120	1.595	115			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/02/2024	TO: VSP01	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HU'NG - N.ANH - THU	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHERNYSHV VA	VSP01	65	1	5		90	KH-THAC	Russian
2	VÔ QUANG HUY	VSP01	61-62	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
3	TRƯỜNG THANH PHU	VSP01					65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP01	55	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN TOÀN	VSP01	53	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TUẤN	VSP01	56	1	5	20	72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN MÍT	VSP01	57	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HOÀNG LONG	VSP01	50	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG TRỌNG CHUNG	VSP01	51	1	12		82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	48	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	63	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	60	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC TUẤN	VSP01	49	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN THẾ CƯỜNG	VSP01	58	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM THẾ CHÍNH	VSP01	52	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG BA ĐIỀU	VSP01	46	1	5		55	YTE	Vietnamese
18	PHAN DUY BÌNH	VSP01	59	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC BÈ	VSP01					60	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN ANH TUẤN	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN XUÂN THUY	VSP01	47	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN THUY	VSP01	54	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	22	19	102	1.562	20	22		1 nb LAI HOANG VINH
TOTAL		22	19	102	1.562	20	22		
WEIGHT KG				102	1.562	20			

GRAND TOAL: 1.684 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	TO: MRM - RP3	CREW: VThắng - HTrung - Huy	ETA: 11:40
XANH-2			

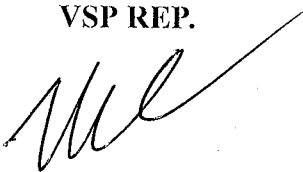
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAI HUY TÚ	MRM	62-63	2	14		62	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN HÙNG DŨNG	MRM	69	1	13		74	DVL	Vietnamese
3	TRẦN VĂN NGHĨA	MRM	64	1	17		83	DVL	Vietnamese
4	LÊ HOÀI THIÊN	MRM	66	1	15		78	DVL	Vietnamese
5	LÊ PHÚ PHÚC	MRM	65	1	7		82	DVL	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HIỆP	MRM	68	1	14		77	DVL	Vietnamese
7	BUI HUY BĂNG	MRM	67	1	16	46	65	DVL	Vietnamese
8	VŨ MẠNH CUÔNG	RP3	70-71	2	14		72	KHI	Vietnamese
9	BUI VĂN PHÚ	RP3	61	1	3		72	KHI	Vietnamese
10	HA VĂN THUY	RP3	64	1	3		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN HOÀNG NAM	RP3					88	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN CHINH THI	RP3	73	1	4		75	KHI	Vietnamese
13	LÊ HOÀNG ANH	RP3	68	1	4		69	KHI	Vietnamese
14	PHẠM VĂN THIẾT	RP3	67	1	4		66	KHI	Vietnamese
15	ĐƯƠNG HỒNG QUẬN	RP3	63	1	6		72	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC CUÔNG	RP3	69	1	7		80	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC BẢO BÌNH	RP3	62	1	3		60	KHI	Vietnamese
18	TRỊNH QUANG HUY	RP3					73	KHI	Vietnamese
19	LÊ XUÂN HIỀN	RP3	66	1	4		78	KHI	Vietnamese
20	TRẦN THANH ĐỨC	RP3	65	1	10		98	KHI	Vietnamese
21	PHẠM VĂN TUÔNG	RP3	60	1	11		79	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	7	8	96	521	46	7		
2	RP3	14	13	73	1.052	0	15		
TOTAL		21	21	169	1.573	46	22		
WEIGHT KG				169	1.573	46			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	TO: P9 - VSP01	CREW: HUNG - N.ANH - THU	ETA: 11:45
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN SON LONG	P9	88	1	12		60	DUY LINH	Vietnamese
2	TRAN DINH SON	P9	89	1	10		62	DUY LINH	Vietnamese
3	CAO THE HUNG	P9	87	1	11		62	DUY LINH	Vietnamese
4	PHAM VAN TOAN	P9	85	1	14		56	DUY LINH	Vietnamese
5	ĐẶNG VĂN HUNG	P9	95	1	9	60	73	DUY LINH	Vietnamese
6	HOANG CONG LINH	P9	79	1	10		62	DUY LINH	Vietnamese
7	PHAM VAN CUONG	P9	86	1	9		54	DUY LINH	Vietnamese
8	NGUYEN HOANG TAM	P9	93-94	2	13		78	DUY LINH	Vietnamese
9	PHAM MINH VUONG	P9	90-92	3	19		56	DUY LINH	Vietnamese
10	NGUYEN CONG QUAN	VSP01	73	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUY THONG	VSP01	72	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM VAN TRUONG	VSP01	69	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN BA NGOC	VSP01	71	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN ANH THIANG	VSP01	70	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
15	HUYNH VAN THON	VSP01					73	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN SY HIEU	VSP01	77	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TRUNG DUC	VSP01	75-76	2	11		73	ANTOAN	Vietnamese
18	DUONG BA HUNG	VSP01					73	PSV	Vietnamese
19	VU VAN DIEP	VSP01	67	1	10		70	PSV	Vietnamese
20	LE NHO CANG	VSP01	68	1	8		70	PSV	Vietnamese
21	HA THE BINH	VSP01	66	1	3		66	PSV	Vietnamese
22	LE XUAN HA	VSP01	74	1	4		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	9	12	107	563	60	0		
2	VSP01	13	12	63	873	0	15		
TOTAL		22	24	170	1.436	60	15		
WEIGHT KG				170	1.436	60			

GRAND TOAL: 1.666 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 26/02/2024	TO: P8 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.Cương - HIẾU	ETA: 11:50
cam-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG DUÂN	P8	72	1	3		65	PSV	Vietnamese
2	LÊ CAO HAI	P8	70	1	7		65	PSV	Vietnamese
3	LÊ ĐỨC THUẬN	P8	69	1	6		50	PSV	Vietnamese
4	LÊ VĂN DƯƠNG	P8	68	1	5		56	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN PHẠM TUẤN ANH	P8	71	1	5		59	PSV	Vietnamese
6	LÊ HAI AN	P8	73	1	4		78	PSV	Vietnamese
7	ĐINH BÀ THĂNG	P8	74	1	6		67	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HAO	PPD	26	1	8		75	KHI	Vietnamese
9	ĐOÀN MINH HIỆP	PPD	34	1	8		50	KHI	Vietnamese
10	HOÀNG MINH THUẬN	PPD	36	1	5		65	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	PPD	33	1	11		67	KHI	Vietnamese
12	NGÔ ĐỨC TRƯỞNG	PPD	27	1	5		56	KHI	Vietnamese
13	DƯƠNG ĐĂNG HIỆN	PPD	31	1	8		60	KHI	Vietnamese
14	HA HUYNH XUAN CUONG	PPD	35	1	7		60	KHI	Vietnamese
15	LÊ VĂN LẠNH	PPD	29	1	7		52	KHI	Vietnamese
16	PHẠM HOANG CHAU	PPD	32	1	5		66	KHI	Vietnamese
17	PHẠM HIEN TRUONG	PPD	28	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
18	LA HAU	PPD	30	1	6		65	KHI	Vietnamese
19	NGÔ VĂN GIÁP	PPD	38	1	6		60	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN NHẬT	PPD	37	1	7		75	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN LONG	PPD	41-42	2	19		70	KHI	Vietnamese
22	VU VAN THUONG	PPD	39-40	2	18		80	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	7	7	36	440	0	5		
2	PPD	15	17	122	967	0	4		
TOTAL		22	24	158	1.407	0	9		
WEIGHT KG				158	1.407	0			

GRAND TOAL: 1.565 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 26/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	TO: P6 - P3 - BK19	CREW: TTrung - Sơn - DTùng	ETA: 14:00
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DU TRẦN HUNG	P6	75	1	13		79	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC HIỀN	P6	77	1	13		77	DUY LINH	Vietnamese
3	TRẦN NGỌC TRUNG	P6	76	1	16		65	DUY LINH	Vietnamese
4	VÕ QUANG HÀ	P6	78	1	15		67	DUY LINH	Vietnamese
5	TRƯƠNG HUY TRỌNG	P6	79	1	6		65	DUY LINH	Vietnamese
6	PHẠM CÔNG HẬU	P6	73	1	12		65	DUY LINH	Vietnamese
7	LƯU VĂN BÌNH	P6	74	1	7		80	DUY LINH	Vietnamese
8	MAI VĂN TRUNG	P6	71-72	2	17		54	DUY LINH	Vietnamese
9	PHẠM VĂN NGUYỄN	P6	80	1	10		77	DUY LINH	Vietnamese
10	LÊ HỮU LỘC	P6	70	1	5		58	DUY LINH	Vietnamese
11	NGUYỄN TRẦN THÀNH ĐẠT	P3	41-42	2	12		55	BIỂN ĐÓN	Vietnamese
12	HOÀNG CAO CUÔNG	P3	35	1	9		68	BIỂN ĐÓN	Vietnamese
13	TRƯƠNG MINH THÈ	P3	32-33	2	11		58	BIỂN ĐÓN	Vietnamese
14	HỒ VĂN DŨNG	P3	34	1	9		55	BIỂN ĐÓN	Vietnamese
15	ĐẶNG QUỐC PHONG	P3	38	1	8		67	BIỂN ĐÓN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HAI	P3	39-40	2	20		59	BIỂN ĐÓN	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG VŨ	P3	45	1	9		65	BIỂN ĐÓN	Vietnamese
18	BUI VĂN HÀ	P3	44	1	10		65	BIỂN ĐÓN	Vietnamese
19	TRẦN MINH ĐUỘC	P3	37	1	15		59	BIỂN ĐÓN	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU CUÔNG	P3	43	1	19	15	50	BIỂN ĐÓN	Vietnamese
21	THAI THÀNH NGỌC	P3	36	1	12		61	BIỂN ĐÓN	Vietnamese
22	PHẠM HỒNG DIEN	P3	46	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	10	11	114	687	0	0	0	CHUYEN I PAX P6-BK19
2	P3	12	15	139	732	15	0	0	
3	BK19	0	0	0	0	0	0	0	
TOTAL		22	26	253	1.419	15	0	0	
WEIGHT KG				253	1.419	15			

GRAND TOAL: 1.687 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/02/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTCl+CTCl+RP2	7:25	13+1+8	0+0+0		6+0+0	0+0+0	chuyen 3 TTCl-CTClchuyen 1 CTCl-RP2
2		P6	7:25	22	0		15	0	
3		P8+P6	7:25	9+13	0+0		9+12	0+0	
4		P8+BK19	9:25	18+4	0+0		13+4	0+0	
5		ITC2+CTK3	9:25	5+16	0+0		5+0	0+0	
6		P2+BK21	9:25	17+4	0+0		0+4	0+0	
7		RP2+RC3+CTK3	11:25	14+0+7	0+0+0		0+5+0	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/02/2024	TO: TTC1 - CTC1 - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: XHOÀN - N.ANH -	ETA: 09:20
xanh-1		MQUÂN	

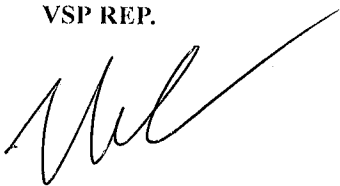
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHÙNG HÀ TÀI	TTC1	76	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
2	VU HUNG TUAN	TTC1	89	1	5	30	60	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TRUNG THUY	TTC1	90	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG LONG HAI	TTC1	91	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN BĂNG	TTC1	75	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM HUY ĐÌNH	TTC1	77-78	2	19		81	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH THĂNG	TTC1	82-83	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐẠO AN TUÂN	TTC1	79	1	11		60	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐỖ MẠNH HUNG	TTC1	80-81	2	14		60	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ VĂN QUANG	TTC1	84	1	13		75	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HUÂN	TTC1	86-88	3	19		82	XAYLAP	Vietnamese
12	HOÀNG ĐỨC PHONG	TTC1	85	1	13		93	XAYLAP	Vietnamese
13	HOÀNG TRUNG ĐỨC	TTC1	74	1	5		80	PSV	Vietnamese
14	VU MINH ĐỨC	CTC1	40-41	2	19		80	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯƠNG NGỌC LINH	RP2	85	1	14		74	NAM TIEN	Vietnamese
16	VÔ HỮU ĐI	RP2	83-84	2	9		88	NAM TIEN	Vietnamese
17	TRẦN MINH TOÀN	RP2	86	1	18		86	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG THOÀ	RP2	88	1	14		67	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN MINH HOÀNG	RP2	87	1	11		70	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ XUÂN VIỆT	RP2	89	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM VĂN SẮC	RP2	90-91	2	15		69	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	13	18	132	967	30	6 + 3		CHUYEN 3 PAX TU TTC1 SANG CTC1+80KG HANG CHUYEN 01 PAX TU CTC1 SANG RP2
2	CTC1	1	2	19	80	58	0 + 1		
3	RP2	7	9	95	519	0	0		
TOTAL		21	29	246	1.566	88	6		
WEIGHT KG				246	1.566	88			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: P6	CREW: VThắng - XTrường - NNam	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUU THE ANH	P6	61	1	5	20	74	KH-THAC	Vietnamese
2	VAN MINH TAN	P6	60	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
3	DOAN QUOC VIET	P6	85-86	2	10		92	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN PHU	P6	84	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN DOA	P6	62	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUY HUNG	P6	95	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
7	DO QUANG HUNG	P6	93-94	2	9		71	KH-THAC	Vietnamese
8	VU DINH SY	P6	97-98	2	17		69	KH-THAC	Vietnamese
9	DINH HOAI NAM	P6	57-58	2	20		85	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG TUAN	P6	96	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	MAI MANH KHANH CUONG	P6	68	1	13		82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH LE	P6	65	1	5		65	YTE	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TRUONG	P6	66	1	6		68	PSV	Vietnamese
14	LAM VAN KHUONG	P6	83	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
15	NGO VAN SANG	P6	81-82	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM NGOC AN	P6	63-64	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN LAM GIANG	P6	87-88	2	12		78	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRONG BACH	P6	67	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN KHAC HONG	P6	92	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
20	DO TRUONG DIEN	P6	89-90	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG MANH THANG	P6	59	1	9		71	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN HUY THONG	P6	91	1	2		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	22	30	196	1.561	20	15		
TOTAL		22	30	196	1.561	20	15		
WEIGHT KG				196	1.561	20			

GRAND TOAL: 1.777 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/02/2024	TO: P8 - P6	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: TTrung - M.Đức - PTUẤN	ETA: 09:30
VANG-1			

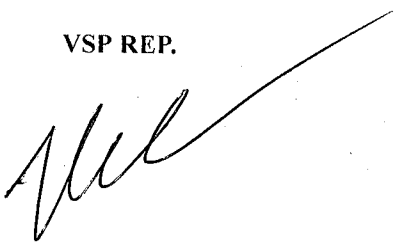
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH QUANG TRUNG	P8	75	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
2	HUYNH CHANH PHAT	P8	81	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ QUANG HIEN	P8	84	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUU DUNG	P8	73-74	2	13		56	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN NHAN	P8	82	1	6		73	YTE	Vietnamese
6	NGUYEN VIET KHA	P8	83	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN BA DAT	P8	77-78	2	10		73	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN CHAU NAM	P8	76	1	15		92	KH-THAC	Vietnamese
9	VU XUAN THANH	P8	79	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
10	CAO MINH HOANG	P6	01	1	9	42	74	KH-THAC	Vietnamese
11	VU VAN PHUC	P6	06	1	3		54	PSV	Vietnamese
12	HOANG VAN TRONG	P6	10	1	5		96	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN VAN KIEN	P6	400	1	6		63	PSV	Vietnamese
14	HO QUOC VU	P6	04	1	5		71	PSV	Vietnamese
15	LÊ MINH HUY	P6	05	1	5		73	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN THANH PHONG	P6	99	1	10		65	DUY LINH	Vietnamese
17	VU TIEN PHONG	P6	02-03	2	10		66	DUY LINH	Vietnamese
18	NGUYEN ANH THANG	P6	97-98	2	18		55	DUY LINH	Vietnamese
19	LÊ QUANG HUNG	P6	93-94	2	10		51	DUY LINH	Vietnamese
20	NGUYEN ANH DAO	P6	95-96	2	10		76	DUY LINH	Vietnamese
21	LÊ MẠNH CHIỂU	P6	92	1	8		81	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	9	11	70	653	0	9		
2	P6	12	16	99	825	42	12		
TOTAL		21	27	169	1.478	42	21		
WEIGHT KG				169	1.478	42			

GRAND TOAL: 1.689 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/02/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	TO: P8 - BK19 - TD5	CREW: KHOÀN - N.ANH - MQUÂN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN TÂN	P8	52	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG THANH TRUNG	P8	73	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ANH TRI	P8	66	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN DU	P8	68	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN TRI	P8	69	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH VINH	P8	75	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
7	HO CHIE LINH	P8	79	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	51	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT HÒA	P8	76	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	P8	65	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN VŨ	P8	78	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ XUÂN TRUNG	P8	77	1	3		91	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN CÔNG TINH	P8	50	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG TRUNG HẬU	P8	67	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VŨ NHẬT QUANG	P8	74	1	13		76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGÔ GIANG LONG	P8	72	1	8		65	BIỂN ĐÓN	Vietnamese
17	BUI VĂN THUY	P8	71	1	8		52	BIỂN ĐÓN	Vietnamese
18	CAO DUC SANG	P8	70	1	10		56	BIỂN ĐÓN	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH NGỌC	BK19	42	1	10	25	105	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN ĐÌNH ĐỨC	BK19	45,47	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ TRUNG TUÂN	BK19	43-44	2	16		71	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ ĐỨC TUÂN	BK19	46	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	18	18	115	1.234	0	13		
2	BK19	4	6	41	306	25	4		
3	TD5	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	24	156	1.540	25	18		
WEIGHT KG				156	1.540	25			

GRAND TOAL: 1.721 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/02/2024	TO: TTC2 - CTK3	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: VThắng - XTrường - NNam	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG QUỐC BAO	TTC2				22	63	KH-THAC	Vietnamese
2	TẠ MẠNH HÙNG	TTC2	45	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VĂN THỰC	TTC2	44	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TUẤN MINH	TTC2	43	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HUYNH	TTC2	46	1	4		73	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN CHI THANH	CTK3	64-65	2	16		55	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TIỀN TRỌNG	CTK3	62-63	2	19		82	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	CTK3	90	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
9	MAI XUÂN TOÀN	CTK3	66	1	12		55	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN CAO TRI	CTK3	87-89	3	17		77	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM VĂN ĐỊNH	CTK3	85-86	2	19		77	XAYLAP	Vietnamese
12	NHÂM ĐÌNH THUẬN	CTK3	79-80	2	19		62	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ HỮU QUÂN	CTK3	81-82	2	18		56	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG ANH THÂN	CTK3	83	1	10	15	76	XAYLAP	Vietnamese
15	HOANG ĐÌNH VINH	CTK3	78	1	9		68	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC TUẤN	CTK3	67-68	2	16		71	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH HÀ	CTK3	69	1	10	15	57	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN HUY GIANG	CTK3	71	1	19		68	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG THANH	CTK3	76-77	2	16		84	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ PHÚ TOA	CTK3	74	1	18	12	65	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐÀO XUÂN VIỆT	CTK3	72-73	2	14	7	52	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	5	4	19	327	22	5		
2	CTK3	16	26	242	1.070	49	0		
TOTAL		21	30	261	1.397	71	5		
WEIGHT KG				261	1.397	71			

GRAND TOAL: 1.729 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/02/2024	TO: TTC2 - CTK3 - GTC1	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: VThắng - XTrường - NNam	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG QUỐC BẢO	TTC2				22	63	KH-THAC	Vietnamese
2	TẠ MẠNH HÙNG	TTC2	45	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VĂN THỰC	TTC2	44	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TUẤN MINH	TTC2	43	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HUYNH	TTC2	46	1	4		73	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN CHI THANH	CTK3	64-65	2	16		55	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN TRỌNG	CTK3	62-63	2	19		82	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	CTK3	90	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
9	MAI XUÂN TOÀN	CTK3	66	1	12		55	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN CAO TRI	CTK3	87-89	3	17		77	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM VĂN ĐÌNH	CTK3	85-86	2	19		77	XAYLAP	Vietnamese
12	NHÂM ĐÌNH THUẬN	CTK3	79-80	2	19		62	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ HỮU QUÂN	CTK3	81-82	2	18		56	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG ANH THÂN	CTK3	83	1	10	15	76	XAYLAP	Vietnamese
15	HOANG ĐÌNH VINH	CTK3	78	1	9		68	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC TUẤN	CTK3	67-68	2	16		71	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH HÀ	CTK3	69	1	10	15	57	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN HUY GIANG	CTK3	71	1	19		68	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN CÔNG THANH	CTK3	76-77	2	16		84	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ PHU TOA	CTK3	74	1	18	12	65	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐẠO XUÂN VIỆT	CTK3	72-73	2	14	7	52	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	5	4	19	327	22	5		CHUYEN 01 PAX CTK3-GTC1
2	CTK3	16	26	242	1.070	49	0		
3	GTC1	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		21	30	261	1.397	71	5		
WEIGHT KG				261	1.397	71			

GRAND TOAL: 1.729 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/02/2024	TO: P2 - BK21 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:58
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: TTrung - M.Đức - PTUẤN	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI QUANG CÔNG	P2	67	1	12		78	XAYLAP	Vietnamese
2	LIU QUY DUNG	P2	55-56	2	18		57	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN DUY DUONG	P2	68	1	20		69	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI QUANG ANH	P2	63-64	2	19		64	XAYLAP	Vietnamese
5	VO TA HUNG	P2	60	1	15		67	XAYLAP	Vietnamese
6	BUI HUU LOI	P2	66	1	18		79	XAYLAP	Vietnamese
7	DO LE SON	P2	61	1	6	25	74	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM THANH TRUNG	P2	58-59	2	22		70	XAYLAP	Vietnamese
9	DO VAN THANH	P2	53	1	13	40	55	TRUONG V	Vietnamese
10	PHAM LE TUAN	P2	54	1	7		86	TRUONG V	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN TUNG	P2	69	1	8		77	TRUONG V	Vietnamese
12	DO DINH TRUONG	P2	70-71	2	16		59	TRUONG V	Vietnamese
13	LE VAN LUC	P2	65	1	10		71	TRUONG V	Vietnamese
14	NGUYEN DINH QUYNH	P2	57	1	10		72	TRUONG V	Vietnamese
15	VO VAN GIANG	P2	51	1	12		62	TRUONG V	Vietnamese
16	LE VAN TIEN	P2	52	1	5		56	TRUONG V	Vietnamese
17	VI DUC TU	P2	72-73	2	17		64	TRUONG V	Vietnamese
18	LE VAN TOAN	BK21	78-79	2	6		63	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG TRONG PHUC	BK21	73-74	2	13	20	70	KH-THAC	Vietnamese
20	VU DUC DUNG	BK21	76-77	2	15		87	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN THUAT	BK21	75	1	6		79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

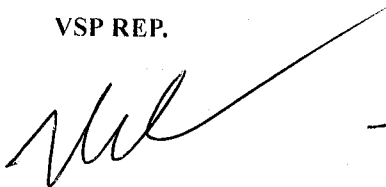
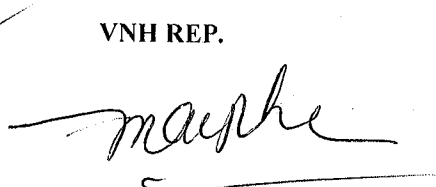
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	17	22	228	1.160	65	0		
2	BK21	4	7	40	299	20	4		
3	P4	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	29	268	1.459	85	5		
WEIGHT KG				268	1.459	85			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

10^h40 Thêm điểm P4

FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/02/2024	TO: RP2 - RC3 - CTK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: LTuấn - MTHAO - QTrưởng	ETA: 14:00
XANH-3			

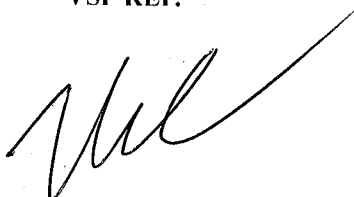
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	RP2	14-15	2	19		62	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ XUÂN LẬP	RP2	23	1	16		66	XAYLAP	Vietnamese
3	HÀ HỮU THAI	RP2	49-50	2	19		64	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC CHÍN	RP2	51-52	2	19		69	XAYLAP	Vietnamese
5	NGÔ ĐỨC THUẬN	RP2	48	1	18		67	XAYLAP	Vietnamese
6	VÕ VĂN HOA	RP2	21	1	6		60	NAM TIỀN	Vietnamese
7	BUI VĂN NGOAN	RP2	22	1	9		67	NAM TIỀN	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU NHAN	RP2	19	1	6		60	NAM TIỀN	Vietnamese
9	LÊ QUANG PHÚC	RP2	53	1	5		58	NAM TIỀN	Vietnamese
10	VU VĂN THUẬN	RP2	20	1	9		65	NAM TIỀN	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU CHIẾN	RP2	16	1	6		71	NAM TIỀN	Vietnamese
12	CAO BÀ QUANG	RP2	18	1	6		71	NAM TIỀN	Vietnamese
13	BUI VĂN HIẾN	RP2	24	1	7		59	NAM TIỀN	Vietnamese
14	HỒ HỮU PHƯƠNG	RP2	47	1	9		68	NAM TIỀN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ĐO	RP2	17	1	8		68	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CÔNG	CTK3	12-13	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
17	BIỆN VĂN LƯƠNG	CTK3	15	1	10	17	71	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐẶNG THAI SƠN	CTK3	20-21	2	12		55	DUY LINH	Vietnamese
19	PHAN NĂNG KHOA	CTK3	17-18	2	16		59	DUY LINH	Vietnamese
20	ĐẶNG TRẦN LONG	CTK3	19	1	13		58	DUY LINH	Vietnamese
21	HUYNH ĐỨC VŨ	CTK3	14	1	10		71	DUY LINH	Vietnamese
22	TRẦN THANH TƯỜNG	CTK3	11	1	13		61	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

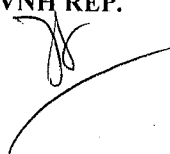
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	15	18	162	975	0	0		
2	RC3	0	0	0	0	0	5		
3	CTK3	7	10	92	445	17	0		
TOTAL		22	28	254	1.420	17	5		
WEIGHT KG				254	1.420	17			

GRAND TOAL: 1.691 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

